

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẾN TRE  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HSST

Ngày: 20/9/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Trình.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Hưng;

2. Bà Trần Thị Kim Mỹ.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Yến là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Ông Lại Đức Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 49/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2021, đối với bị cáo:

**Nguyễn Thị Thanh T (T1)**, sinh năm 1991 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp PN, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Con ông Nguyễn Duy P (đã chết) và bà Đặng Thị Lan H, sinh năm 1959; Chồng: Thạch Phan Quốc K (đã ly hôn); Con: Có 01 người con sinh năm 2009; Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 11/2013/HSST ngày 29/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt 05 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Bị cáo bị bắt buộc chữa bệnh tại Viện Pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa từ ngày 14/6/2019 đến ngày 19/02/2021 được đình chỉ biện pháp bắt buộc chữa bệnh và chuyển tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

*Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Trần Nhật Long H1 – Văn phòng luật sư HN thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Phạm Thị Thanh B, sinh năm 1964;

Nơi cư trú: Nhà không số, ấp 2, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

*\* Người làm chứng:*

- Ông Đỗ Hoàng M, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Khu phố BL, Phường F, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Duy K1, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Khu phố BL, Phường F, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Ông Võ Trần Trường T3, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Ấp ATA, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Trường L, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Ấp BT, xã BP, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 30 ngày 30/7/2018, tại nơi ở của Đỗ Hoàng M và bị cáo Nguyễn Thị Thanh T (M và bị cáo T sống chung như vợ chồng) ở ấp B, xã SD, Thành phố BT, tỉnh Bến Tre, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bến Tre phối hợp với Công an xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre bắt quả tang Nguyễn Duy K1 vừa có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Võ Tấn Trường T3 và Nguyễn Trường L.

Tang vật thu giữ gồm:

- Thu trong vỏ gói thuốc lá để trong túi quần phía trước bên phải của K1 01 gói nylon hàn kín, bên trong có chứa nhiều hạt li ti dạng tinh thể màu trắng nghi là ma túy (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có ký hiệu A1);

- Thu trong túi quần phía trước bên phải của T3: 01 gói nylon hàn kín, bên trong có nhiều hạt li ti dạng tinh thể màu trắng nghi là ma túy (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có ký hiệu A2).

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của M và bị cáo T ở ấp B, xã SD, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, lực lượng Công an tiếp tục thu giữ:

- Thu trên đầu nệm phía bên phải từ cửa nhìn vào trên bề mặt xi măng M và bị cáo T sử dụng làm giường ngủ, kế bên tủ bằng vải:

+ 01 túi nylon hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khẹp và vạch màu đỏ, bên trong có 01 đoạn ống nhựa màu xanh sọc trắng được cắt nhọn một đầu và nhiều hạt tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có ký hiệu K1).

+ 01 túi nylon hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khẹp và vạch màu đỏ bên ngoài có dán giấy ghi “3x-7x”, bên trong có 02 gói nylon hàn kín đều có chứa

nhiều hạt tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có kí hiệu K2).

+ 01 túi nylon hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu đỏ, bên ngoài có dán giấy ghi số “150” bên trong có 01 gói nylon hàn kín, chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có kí hiệu K3).

+ 11 gói nylon được hàn kín, bên trong mỗi gói đều có chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có kí hiệu K4).

+ 01 bóp da, bên trong có 01 túi nylon hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp bên trong có chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có kí hiệu K5).

\* Trong lúc khám xét phát hiện bị cáo T có biểu hiện nghi vấn nên lực lượng công an tiến hành kiểm tra người của bị cáo T và thu giữ 01 bóp da bên trong có 5.400.000 đồng.

Ngoài ra, lực lượng Công an còn thu giữ số tiền 500.000 đồng do bà Phạm Thị Thanh B (mẹ ruột M) giao nộp.

Qua làm việc, M, K1 và bị cáo T khai nhận: Để có tiền tiêu xài và ma túy sử dụng M nhiều lần mua ma túy đã đem về phân thành nhiều gói nhỏ bán lại cho người khác kiếm lợi. Hàng ngày, ngoài việc trực tiếp bán ma túy cho người nghiện, M còn nhờ K1 đi giao ma túy dùm cho M khi có người mua, mỗi lần K1 đi giao ma túy dùm, M cho K1 từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng và mỗi ngày M còn cho K1 thêm 100.000 đồng. Riêng bị cáo T có trách nhiệm giữ ma túy khi M không có nhà và đưa ma túy cho K1 bán, số tiền K1 bán ma túy được sẽ giao lại cho bị cáo T giữ và sau đó giao lại cho M. Ngày 29/7/2018, M mua của đối tượng tên Q (không rõ họ, tên, địa chỉ cụ thể) 5.700.000 đồng ma túy đã đem về nhà ở ấp B, xã SD phân ra thành nhiều gói nhỏ cất giấu. Sáng ngày 30/7/2018, M rời khỏi nhà và mang theo 16 gói ma túy để có ai hỏi mua thì bán, số ma túy còn lại M để vào bọc nylon giao cho K1 cất giữ. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, K1 đem bọc nylon có đựng nhiều gói ma túy vào để trên nệm trong phòng ngủ của M1 và bị cáo T1 cho bị cáo T1 giữ. Được một lúc, thì T3 đến gặp K1 hỏi mua 01 gói ma túy giá 300.000 đồng, K1 đồng ý bán và nhận 300.000 đồng rồi đi vào phòng ngủ gặp bị cáo T nói: “lấy cái 300.000 đồng”. Bị cáo T nói “tự lấy đi” nên K1 để 300.000 đồng trên nệm cho bị cáo T và lấy 01 gói ma túy nhỏ ra giao cho T3. Khoảng 30 phút sau, L đến gặp K1 hỏi mua 01 gói ma túy giá 400.000 đồng và 01 cái “nỏ” giá 50.000 đồng. L đưa cho K1 03 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, K1 nhận tiền rồi tiếp tục vào phòng ngủ gặp bị cáo T nói “lấy cái 400.000 đồng và cái nỏ”, bị cáo T nói “tự coi”. Nói xong, K1 bỏ tiền trên nệm cho bị cáo T giữ nhưng do không có sẵn gói ma túy giá 400.000 đồng và lúc này bên ngoài có con gà bị sảy bội nên K1 bỏ ra ngoài để bắt gà nên chưa giao ma túy được cho L. Cùng lúc này, do làm rơi mất gói ma túy vừa mua nên T3 quay lại gặp K1 hỏi mua gói ma túy giá 200.000 đồng, K1 nhận tiền và vào phòng nói với bị cáo T lấy gói 200.000 đồng rồi lấy gói ma túy nhỏ ra giao cho T3 và để tiền trên nệm. Sau đó, bị cáo T lấy 500.000 đồng mà K1 vừa bán ma túy cho T3 có được

đưa cho bà B (mẹ ruột của M). Riêng K1 khi ra ngoài giao ma túy cho T3 thì bị lực lượng công an bắt quả tang. Thấy bị phát hiện, nên ở trong phòng bị cáo T liền lấy 600.000 đồng mà L đưa để mua ma túy cất giấu và lấy bạch ma túy đang để trên nệm bỏ vào đầu nệm phía bên phải kế bên tủ băng vải để cất giấu nhưng bị Lực lượng Công an phát hiện thu giữ như trên.

Theo kết luận giám định số 3240/C54B ngày 02/8/2018 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Gói ký hiệu A1: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,4187 gam, loại Methamphetamine.

- Gói ký hiệu A2: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,0240 gam, loại Methamphetamine.

Theo kết luận giám định số 3241/C54B ngày 02/8/2018 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Gói K1: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 4,4732 gam, loại Methamphetamine.

- Gói K2: Tinh thể màu trắng đựng trong 02 gói nylon được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,3617 gam, loại Methamphetamine.

- Gói K3: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,0927 gam, loại Methamphetamine.

- Gói K4: Tinh thể màu trắng đựng trong 11 gói nylon được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 1,6752 gam, loại Methamphetamine.

- Gói K5: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 4,9745 gam, loại Methamphetamine.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo T bỏ trốn. Đến ngày 30/4/2019, bị cáo T bị bắt theo lệnh truy nã và có biểu hiện bị bệnh tâm thần nên Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Tre tiến hành trưng cầu giám định tâm thần đối với bị cáo T.

Theo Kết luận giám định pháp y tâm thần số 293/KL-VPYTW ngày 10/6/2019 của Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa kết luận:

- Về y học:

- + *Trước, trong và sau khi gây án*: Đang sử dụng các chất kích thích gây hại (F15.1-ICD.10).

- + *Hiện nay*: Đang sử dụng bệnh Rối loạn sự thích ứng với phản ứng hỗn hợp lo âu trầm cảm/ Sử dụng các chất kích thích gây hại (F43.22/F15.1-ICD.10).

- Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi:

- + *Tại thời điểm gây án*: Đang sử dụng đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

+ *Hiện nay*: Đang sự mất năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

Ngày 12/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre ra quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với bị cáo T.

Ngày 12/01/2021, Viện Pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa có thông báo kết quả điều trị đối tượng chữa bệnh bắt buộc đối với bị cáo T đã ổn định và không cần thiết áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh nữa.

Ngày 18/01/2021, Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Tre ra quyết định trưng cầu giám định tình trạng tâm thần của bị cáo T sau thời gian bắt buộc chữa bệnh.

Theo Kết luận giám định pháp y tâm thần sau thời gian điều trị bắt buộc số 117/KLBB-VPYTW ngày 03/02/2021, của Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa kết luận:

\* Bị bệnh: Rối loạn sự thích ứng với phản ứng hỗn hợp lo âu trầm cảm/ Sử dụng các chất kích thích gây hại (F43.22/F15.1-ICD.10).

\* Hiện tại bệnh đã ổn định, không cần thiết điều trị bắt buộc nữa. Đang sự có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật.

Ngày 19/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre ra quyết định đình chỉ thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với bị cáo T.

Tại Bản cáo trạng số 49/CT-VKSTPBT ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm b, i và q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị:

- Về tội danh và hình phạt chính: Áp dụng các điểm b, i và q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 49 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, trừ thời gian bị cáo T bị bắt buộc chữa bệnh là 01 năm 08 tháng 02 ngày.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng do bị cáo T không có thu nhập ổn định.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu, tiêu hủy 01 bốp da thu của bị cáo T do không còn giá trị sử dụng và bị cáo không yêu cầu nhận lại.

+ Trả lại cho bị cáo T số tiền 5.100.000 đồng do không liên quan đến vụ án.

+ Đối với chất ma túy còn lại sau giám định đã được xử lý trong vụ án khác nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

- Đối với hành vi của Đỗ Hoàng M và Nguyễn Duy K1 đã được truy tố xét xử xong nên không đề cập xem xét trong vụ án này.

Bị cáo T khai nhận: Ma túy thu tại nơi ở của M và bị cáo ở ấp B, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre là của M mua. Sáng ngày 30/7/2018, M rời khỏi nhà và mang theo 16 gói ma túy để có ai hỏi mua thì bán, số ma túy còn lại M để vào gói nylon giao cho K1 cất giữ. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, K1 đem gói nylon có đựng nhiều gói ma túy vào để trên nệm trong phòng ngủ của M và bị cáo cho bị cáo giữ. Sau đó, T3 và L có đến mua ma túy, thông qua K1, bị cáo đã bán cho T3 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng và 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng, bán cho L 01 gói ma túy với giá 400.000 đồng và 01 nỏ (nhưng chưa giao ma túy cho L) thì lực lượng Công an vào bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật. Ngoài ra, bị cáo còn đang cất giữ 11,5773 gam ma túy loại Methamphetamine cho M để bán cho người khác. Bị cáo đồng ý với kết luận giám định, không khiếu nại gì đối với các hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo là luật sư Trần Nhật Long H1 trình bày lời bào chữa: Đồng ý với điều luật và tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo T. Xét điều kiện của bị cáo T phụ thuộc vào Đỗ Hoàng M khi thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị bổ sung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo T ở mức khởi điểm của khung hình phạt của điều luật quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, bị cáo T và người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến, Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt những người này. Xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận của bị cáo T phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 30/7/2018, kết luận giám định, lời khai của những người tham gia tố tụng khác, cùng các tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 30/7/2018, tại nhà của M ở ấp B, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo T đã có hành vi cất giữ ma túy cho M để giao cho K1 bán ma túy

cho T3 và L 03 lần thu được 900.000 đồng. Ngoài ra, lực lượng Công an còn thu giữ 11,5773 gam ma túy loại Methamphetamine mà bị cáo T còn đang cất giữ cho M để bán cho người khác.

[3] Bị cáo T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết được các chất ma túy bị pháp luật cấm mua bán nhưng vẫn cố ý 03 lần bán ma túy, loại Methamphetamine cho T3, L với mục đích kiếm lời. Ngoài ra, bị cáo còn cất giữ 11,5773 gam ma túy, loại Methamphetamine để bán cho người khác. Bị cáo đã bị kết án về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm b, i và q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo T đã xâm phạm đến sự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, đe dọa xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và sự phát triển bình thường của con người, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội nơi các bị cáo cư trú và thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguyên nhân dẫn đến những tội phạm và tệ nạn xã hội khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[6] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo T có nhân thân xấu, bị cáo đã bị kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo T được hưởng là thành khẩn khai báo và có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra, bị cáo T bỏ trốn nên phần nào gây khó khăn cho việc giải quyết, xử lý vụ án và xử lý đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức (đồng phạm với Nguyễn Duy K1 và Đỗ Hoàng M đã được xét xử tại bản án số 36/2019/HSST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre), bị cáo có phần lệ thuộc vào M, đã hợp tác tốt với cơ quan điều tra trong việc điều tra làm rõ hành vi của M, K1 và bị cáo hiện đang bị rối loạn sự thích ứng với phản ứng hỗn hợp lo âu trầm cảm/sử dụng các chất kích thích gây hại nên được xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ hậu quả do bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo T không có thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 bóp da thu của bị cáo T do không còn giá trị sử dụng và bị cáo không yêu cầu nhận lại nên tịch thu, tiêu hủy.

- Số tiền thu được là 7.600.000 đồng vào ngày 30/7/2018 bao gồm: số tiền 1.400.000 đồng thu của Đỗ Hoàng M (do M bán ma túy cho Nguyễn Thị Thanh N được 700.000 đồng và tiền của cá nhân M là 700.000 đồng); số tiền 1.100.000 đồng do Nguyễn Duy K1 bán ma túy và nỏ thủy tinh cho Nguyễn Trường L, Võ Trần Trường T3 có được (trong đó có 500.000 đồng bị cáo T giao cho bà Phạm Thị Thanh B và bà B đã giao nộp, 300.000 đồng thu trên nệm trong phòng ngủ của Đỗ Hoàng M và 300.000 đồng trong tổng số 5.400.000 đồng thu trong bóp da của bị cáo T); số tiền 5.100.000 đồng trong bóp da của bị cáo T là tiền cá nhân của bị cáo. Như vậy, trong số 7.600.000 đồng thu giữ có 700.000 đồng của cá nhân M, 5.100.000 đồng của cá nhân bị cáo T. Tại bản án số 36/2019/HSST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã xử lý 01 phần, còn lại 5.100.000 đồng giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre tạm giữ. Do số tiền 5.100.000 đồng là của cá nhân bị cáo T, không liên quan đến tội phạm nên giao trả lại cho bị cáo.

Đối với chất ma túy còn lại sau giám định đã được xử lý trong bản án số 36/2019/HSST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

[7] Đối với hành vi của Đỗ Hoàng M và Nguyễn Duy K1 đã được truy tố xét xử xong nên không đề cập xem xét trong vụ án này.

[8] Lời phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh; điều luật áp dụng; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh T (T1) phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng các điểm b, i và q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 49 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T (T1) 07 (bảy) năm tù, trừ thời gian bị cáo Nguyễn Thị Thanh T (T1) bị bắt buộc chữa bệnh là 01 (một) năm 08 (tám) tháng 02 (hai) ngày, thời hạn tù còn lại là 05 (năm) năm 03 (ba) tháng 28 (hai mươi tám) ngày.

Thời hạn tù tính từ ngày 19/02/2021.



2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) bốp da thu của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T (T1).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh T (T1) số tiền 5.100.000 (năm triệu một trăm ngàn) đồng.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17/9/2021, hiện Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre đang quản lý)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Thị Thanh T (T1) phải nộp là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND thị trấn CT, huyện CT, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo, NCQLNVLQ (2b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Ngô Văn Trình**